

# KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

## QUYỂN 6 (Phần đầu)

Giải thích phẩm Thọ Ký, có hai:

- Giải thích đề, có hai:

- Chánh giải thích, có năm: Một là nói: nay là hai thứ bốn thứ thọ ký. Kinh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội nói:

Phật bảo Kiên Ý: Ký có bốn thứ:

1. Chưa phát tâm ký, hoặc có người trôi lăn trong sáu đường rồi sinh làm người, ưa thích Phật pháp, qua trăm ngàn muôn ức kiếp sẽ phát tâm, qua trăm ngàn muôn ức A-tăng-kỳ kiếp hành đạo Bồ-tát, cho đến cúng dường Phật giáo hóa chúng sinh đều phải trải qua vô số kiếp như thế sẽ được Bồ-đề.

2. Vừa phát tâm thọ ký, người này nhiều kiếp lâu xa đã trồng các gốc lành, ưa thích Đại Pháp có tâm Từ bi, phát tâm liên trụ địa vị Bất thoái, cho nên gọi là phát tâm thọ ký.

3. Mật ký, có Bồ-tát chưa được thọ ký mà thực hành sáu độ công đức đầy đủ, trời, rồng tám bộ đều nghĩ rằng: Bồ-tát này không bao lâu sẽ được Bồ-đề, về kiếp, tên nước, số chúng đệ tử ra sao thì Phật làm cho dứt nghi này, mà thọ ký cho. Cả chúng đều biết, chỉ có Bồ-tát này chẳng biết.

4. Vô sinh nhĩn ký, ở trong đại chúng công khai thọ ký. Nay là hai thứ, tức vừa phát tâm ký và vô sinh ký.

- Thọ giả v.v... trở xuống, là y theo hai chữ Huấn giải thích.

- Trong đây v.v... trở xuống là nói người được ký.

- Cũng gọi v.v... trở xuống là giải thích ký tên khác.

- Từ Phật v.v... trở xuống là nói thọ, phi thọ.

- Đây là v.v... trở xuống là nói về nguyên nhân. Xưa người thực hành kinh, vua Kim Long Tôn khen Phật phát nguyện mà làm hạnh, được mười ngàn con cá bị cạn nước nghe pháp huân tu mà thực hành hạnh. Kinh lấy đó làm nhân cũng như tướng. Nay được thọ ký tương lai

sẽ thành Phật mà chứng nghiệm. Ngày nay nếu đích thân mở rộng kinh hoặc làm ngoại hộ thì chẳng bao lâu sẽ được thọ ký thành Phật, không luống dối.

Kế Giải thích văn, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có hai:

1. Thọ ký, lại có:

- Thọ ký cho ba vị Đại sĩ, có hai: Một là Đồng duyên, là nhóm họp ở quá khứ có đồng duyên với kinh này chẳng nói hoặc thấy kinh kia hai chánh thọ ký. Thế giới chuyển danh là Tịnh tràng. Nêu nói bốn câu: một là tên chuyển cõi chẳng chuyển, chuyển gọi là Tịnh tràng, hai là độ đổi tên chẳng chuyển, như xưa Đức Thích-ca lấy tên cõi Ta-bà, nay Đức Thích-ca cũng gọi Ta-bà. Ba là tên và cõi đều đổi. Như Quán Âm là Bồ xứ của Di-đà. Bốn là tên và cõi đều chẳng đổi, như nay Ngân Quang là Bồ xứ của Phật Kim Tràng Quang Chiếu. Tên gọi thế giới như gốc chẳng khác. Trong đây là một, hai lần mà hợp thành hai. Ba là thọ ký cho mười ngàn Thiên tử có hai: một là chia khoa, hai là giải thích nghĩa, có hai: một là nghe kinh sinh hiểu biết hoặc tương tự hiểu hoặc Phần Chân hiểu. Kinh xếp không nhất định nên phải từ từ. Kinh nói Tâm không cấu lụy đều như v.v... trở xuống là giải thích nghi trong Sớ mà nói. Hai là Chánh thọ ký. Đã nói do đó thế giới không có tên khác, tức là vẫn gọi là Ta-bà. Đây chính là cõi chuyển mà tên chẳng chuyển. Một câu chú v.v... là khiến như vừa giải thích.

Hai là Nghi ký, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có:

1. Nghi hỏi, có ba:

Một là Hạnh cạn ký sâu.

Hai là Như dự v.v... trở xuống là y theo quyền nghi Thật, cầm dùi chỉ đất, nghĩa là không có đất cắm dùi, chẳng phải là chỗ bỏ thân mạng. Từ giả vào không chẳng phải chỉ nương một người. Bồ-tát Tánh Địa phải trải qua ba thời kỳ tu sáu độ. Trực hạnh đẳng v.v... là trải qua Biệt Tiệm thì tướng thứ lớp như thế.

Ba là Vì chúng nêu câu hỏi. Đại quyền giải Đốn, tự mình sẽ không nghi, vì người khác mà hỏi.

Kế là Phật đáp có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, lại có:

1. Nêu hiện hạnh, có bốn:

Một là nói ba sự hòa hợp.

Hai là chứng minh công đức nghe kinh, Thuận ba giáo trước, trên

cầu dưới hóa, cũng gọi là tu pháp cúng dường. Chỉ vì Thiên tiêm nên phải trải qua nhiều kiếp, một khi nghe kinh này sẽ đốn đạt diệu tánh. Một nhiếp tất cả nên gọi là chân pháp cúng dường. Đã sinh Viên giáo nên Phật ba đời đều thọ nhận cúng dường, biết được hành xứ sâu xa của Chư Phật. Ba thân đốn hiển. Nay muôn vị Thiên tử đến đây nghe kinh, nếu chẳng có đủ bốn thứ nguyện dục làm sao được thọ ký thành Phật mà nghiệm biết phẩm trước nói chẳng luống dối.

Ba là Văn ký v.v... trở xuống là nói xưng kinh ngộ người, không có người nào thành Phật mà chẳng đủ ba thân. Quả của ba thân do ngày nay nghe Kim Quang Minh mà làm diệu nhân. Từ pháp tánh mà nói sinh tâm ân trọng, là nhân của Ứng thân. Từ pháp tánh Quang mà khởi tâm vô cấu, là nhân của Báo thân. Từ Pháp tánh Kim mà khởi tâm hư không, là nhân của Pháp thân. Kim quang minh này và ba đức ấy không hai không khác. Ba đức là gốc của vô lượng công đức trang nghiêm. Hoặc tự hoặc chân hiển bày ba đức này. Thế nên Như Lai thọ ký cho quả lợi ích của nghe kinh, tướng ấy như thế.

Bốn là Dĩ tùy v.v... trở xuống là chỉ nhân duyên xưa nay. Kinh nói đều do nhân duyên một lần nghe mà được thọ ký, chẳng lẽ không nhân duyên. Đây là nêu chung có gốc lành tốt. Nêu Riêng nhân duyên xưa, vì tùy tướng tu mà nêu riêng nhân duyên hiện tại. Nói nhân duyên là cảm ứng. Hoặc Tâm trong giáo ngoài mà làm nhân duyên. Vì sao? v.v... trở xuống là giải thích xuất hiện hạnh nhân duyên. Tùy thật tướng mà tu là dùng quán mười thừa làm hạnh. Cảnh không thể suy nghĩ bàn luận gọi là thật tướng, ngay nơi cảnh thực hành quán thì quán này thuận cảnh, gọi là tùy tướng tu, chẳng phải là ý tông ngày nay. Câu này chẳng tiêu, nhưng mười quán này tu có ba căn, Thượng căn một quán, Trung căn hai đến bảy, Hạ căn dùng đủ mười. Nay mười ngàn Thiên tử một lần ngồi nghe kinh, hoặc chỉ dùng một hoặc trong hai, ba là Tín Hạnh Căn. Ý lời mà tu thì vào giai vị tự chân. Có gốc lành tốt v.v... trở xuống là giải thích có nhân duyên xa. Thiện đã nói diệu, chính là xưa nghe Viên mà làm gốc lành. Cho nên nói viên thật tướng mà làm gieo trồng gốc lành.

- Từ cũng v.v... trở xuống, là nêu duyên xa. Kinh nói thệ nguyện nhân duyên, thì phẩm Lưu Thủy nói đời vị lai sẽ thí pháp thức. Bèn lấy văn này đối với hai phẩm dưới mà làm lược rộng.

- Giải thích trừ bệnh lưu thủy, có:

1. Giải thích phẩm Trừ Bệnh, có hai:

Một là Giải thích đề, có hai: một là nói về nguyên nhân, tức rộng đáp duyên xa bốn chữ. Ý chung với văn Lưu Thủy ở trong đây.

Hai là Do ế v.v... trở xuống là giải thích tựa đề Phương đẳng. Kinh vua nêu trừ bệnh mắt chẳng phải chỉ ngăn trừ quả báo bệnh khổ. Nghĩa hợp dụ gồm thân nghiệp ác phiền não mười thứ bệnh. Cho nên văn sau nói: trị các chỗ bị bệnh khổ của chúng sinh đều khiến dứt hết. Ý văn gồm nhiếp mười thứ người tu. Cho nên phẩm Chánh luận Sở nói rằng: phân nửa gọi là Thế luận, phân nửa gọi là Xuất thế luận, nay há chẳng như thế. Lại Khế Kinh chép: Thượng căn thì ở hạt giống cảnh mà sinh quả. Cho nên văn nói: nghe thẳng lời ấy thì bệnh liền dứt hết. Vì Trung căn Hạ Căn lại phải cầu pháp sau. Cho nên văn nói: Đến chỗ Trưởng giả mà hợp các thuốc. Cho nên biết chẳng phải chỉ trừ bệnh quả báo, hai là giải thích văn, có hai: một là thông phần văn của phẩm sau, hai ở phẩm hai mà giải thích nghĩa, gồm có:

1. Duyên gốc.

2. Theo tượng v.v... trở xuống là duyên xa, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, lại có:

1. Nói về cha.

2. Thiện nữ v.v... trở xuống là sinh con, được thọ tánh thông minh, mẫn đạt. Hiếu kinh nói: Tham chẳng thông minh làm sao biết đủ.

3. Lúc ấy v.v...: là người trong nước bị bệnh.

4. Thiện nữ v.v... trở xuống là con thính. Có ba:

Một là thấy người bị bệnh.

Hai là làm việc ấy trở xuống v.v... trở xuống là suy nghĩ. Kinh nói già yếu, Thuyết văn nói suy giảm là hao tổn. Quảng nhã nói mại là trở về, tức trai khỏe là đã đến. Lễ ký tám mươi nói mao, chú thích mao là già yếu mờ tối, quên mất, rối loạn, run rẩy tay chân, ngồi thì dựa ghế, đi thì chống gậy.

Ba là liền đến v.v... trở xuống chính là hỏi, có bốn: một là hỏi bốn đại thêm bớt, hai là hỏi ăn uống phạm xúc, ba là hỏi phương thuốc trị bệnh, bốn là hỏi thời tiết bệnh động, năm là cha nói cho con nghe, có hai: một là chia văn, hai là tùy giải thích kinh, có bốn: Một là bốn đại thêm bớt, có hai: một là Phật kể cha là thầy thuốc muốn đáp, hai là chánh đáp về thời tiết, có năm: Một là giải thích thời tiết, có hai: một là y Tục pháp, tức là mạn-trọng-quý. Trọng là giữa, quý là cuối. Hai là theo Phật pháp thì một năm có ba mùa, bốn tháng là một mùa. Thế nào là mùa Thu? vì phá hạ gồm có hai, một là phá chấp Thượng, hai là vì khai Ca đề. Vì Thu là thân thành, vật đều kết hạt. Để khởi lời lẽ không rõ ràng bảo trước cho nên chẳng nói thu. Vì ở an cư, vì sau an cư mọi người tiếp tục kiết, khiến thành người tiền an cư. Khai ca đề là tháng.

Trong luật có ba thứ an cư, đó là Tiền-Trung-Hậu. Ngày mười sáu tháng tư là Tiền an cư, mười bảy v.v... trở xuống đến mười lăm tháng năm gọi là Trung An Cư, mười sáu tháng năm là Hậu an cư. Nếu ngày mười sáu tháng tư là kết thì đến cuối đêm ngày mười lăm tháng bảy gọi là xong Hạ. Đến khi mặt trời mọc là ngày mười sáu đến mười lăm tháng tám v.v... trở xuống gọi là tháng Ca-đề. Luận Minh Liễu chép: vốn có Ca-hy-la vì nói tắt nên gọi Ca-đề, dịch là Công Đức Y. Vì nghĩa Tiền An Cư ngồi hạ có công đức nên dùng năm điều lợi để thưởng đức. Trong luật nói thọ y này một là chứa nhiều tiền, hai là lia y ban đêm, ba là bội thỉnh, bốn là ăn riêng chúng, năm là trước sau khi ăn đến nhà người. Tây Vực Ký dịch Ca-đề là sao ngang, vì sao ngang ngay sao này. Trong tháng sao ngang được thọ y công đức. Cho nên biết chẳng trong một thu hậu an cư thì chẳng gọi là ngồi Hạ. Vì người Hậu an cư đến mười lăm tháng tám mới giải.

Kế Giải thích nếu hai hai mà nói, có ba:

1. Y Tục pháp Độ ký tứ quý thì các tháng ba, sáu, chín, mười hai đều có mười tám ngày, bốn quý cộng bảy mươi hai ngày, chỉ là hai tháng âm dương, đều dùng Ký số làm Dương, ngẫu số làm Âm. Dương Độ Âm Độ là Từ Đông Chí một Dương sinh làm Dương Độ, tháng mười hai, tháng ba là Dương Độ. Từ Hạ Chí một âm sinh làm Âm Độ, tháng sáu, tháng chín là Âm Độ. Nếu nói trở xuống hai Dương Độ, hai Âm Độ, cũng là hai mươi hai, gia thêm Bản nguyệt thánh gốc thì đầy đủ sáu thời.

2. Theo Phật pháp thì đều bắt đầu từ ngày mười sáu, nó lấy ngày mười sáu làm sóc (mồng 1).

3. Lại nói v.v... trở xuống là lại y theo tục pháp, đều lấy số ký ngẫu mà chia ra Âm Dương. Ba là giải thích ba, ba vốn nhiếp có như sau:

- Là chánh giải thích, có hai:

- Y theo Tục pháp có hai:

1. Là lấy mạnh làm gốc.

2. Lại nói v.v... trở xuống là y cứ năm Hạnh.

Kế, Y theo Phật pháp là ba thời, ba tháng làm gốc, đều nhiếp một tháng nên nói ba, ba gốc nhiếp. Nếu y theo Phật pháp thì dùng ba, ba làm gốc năng nhiếp, bèn lấy ba, một làm tháng sở nhiếp. Cũng được gọi là ba, ba gốc nhiếp. Bốn, giải thích tùy thời tiêu tức tin tức, có hai: một là y theo Tục pháp, hai là y theo Phật pháp. Cuối Hạ đầu Đông theo thế tục gọi là Thu, tùy theo hai khoảng tin tức này mà châm chước. Năm,

giải thích Đại Tả tăng tổn, có hai: một là thông trong ngoài mà giải thích. Xuân động thì bệnh gan v.v... Can tạng thuộc về mộc. Mộc xuân vượng thì trị được. Tỳ thuộc Thổ, mộc khắc Thổ, cho nên Tỳ khó trị. Tâm Tạng thuộc Hỏa. Hỏa Hạ vượng thì có thể trị. Phế thuộc Kim, Hỏa khắc kim cho nên phế khó trị. Kim Thu vượng thì có thể trị. Kim khắc mộc cho nên gan khó trị. Thân thuộc thủy. Thủy mùa Đông vượng thì có thể trị. Thủy khắc Hỏa cho nên Tim khó trị. Hai là y theo Phật pháp khoa giảm, có hai: một là Hối, hai là Đáp ý. Pháp do Phật chế chẳng phải để nuôi thân, chỉ vì tu tâm mà cấm túc, có hai: một là y cứ pháp Thường. Đáp: phạm phu bốn Đảo Thường, Lạc, Ngã, Tịnh chấp điên đảo. Gá các duyên mà thành cho nên bỏ Thu thì khiến các đệ tử chẳng giữ Thường, Lạc, hai là y theo Hạ tọa đáp đã khai Hậu An Cư mà miễn ngôi Thu, thì người Tiên An Cư được lập tháng Ca-đề mà bỏ ý mùa Thu là hai duyên này.

Kế, Từ có v.v... trở xuống là đáp phạm xúc lại có:

1. Chính là nói phạm xúc. Trong đó trước nói sáu thứ phạm xúc. Người thường đi đứng, ý là đứng.

2. Nếu hỏa v.v... trở xuống là bốn đại động bệnh hỏa ít mà đàm nhiều, vì hỏa giảm nên thủy tăng. Ấm thực v.v... trở xuống là nói chung về sáu thứ phạm xúc. Quá lượng v.v... là Phong Quân Đạt nói: Thể mệt nhọc ăn uống thường ít, làm việc nhọc chớ quá mức, ăn uống ít chớ quá dối, thường nên bỏ béo nồng mà giảm tiết độ mặn chua, giảm nghỉ lo tổn, bớt mừng giận, bỏ rong ruổi, cẩn thận việc phòng the, khổ phân biệt ngại thực, hai là lược nói sáu Đại. Bạch Hổ Thông nói phủ là ruột già, ruột non, dạ dày, bàng quang, tam tiêu, mật. Phủ là tạng cung phủ. Vị là Tỳ phủ, Bàng quang là phế phủ, phủ của phổi, tam tiêu là phủ của thân, mật là phủ của gan. Ruột già ruột non là tâm phủ phủ của tim. Trong sơ nói hai bàng quang chỉ một tạng. Huỳnh Đế mạch Kinh chép: Thương tiêu là từ đầu xuống đến tim, trung tiêu là từ tim xuống đến rún, Hạ tiêu là từ rún xuống đến chân. Quảng nhã nói Bàng quang là bọng đái, là thủy phủ trong bụng. Tam Thương nói: Chỗ đựng đầy nước tiểu gọi là phao (bọng đái).

3. Từ nhiều v.v... trở xuống là đáp bệnh khởi. Khi thời tiết sinh và khởi, tướng khác nhau, vi phát là sinh, động dụng là khởi, vì trước khác nhau. Ngày Hạ v.v... là bốn bệnh bốn thời từ đó sinh khởi.

4. Từ có v.v... trở xuống là đáp về phương pháp trị bệnh, có hai:

Một là Chia vãn.

Hai là Phong bệnh v.v... trở xuống là tùy giải thích, có ba:

1. Thuốc phòng chữa bệnh.

2. Bào thực v.v... trở xuống chính là dùng thuốc trị. Chỉ nêu bệnh phát, dùng bệnh mà bày thuốc, phải đối bệnh mà dùng thuốc hay trị liệu.

3. Phong sơ v.v... trở xuống bệnh lui thì thuốc bổ.

- Trong đây v.v... trở xuống là bày nêu chỗ trích văn. Vì Chân-đế thiên nhân thế thuật gồm có thần thông nêu văn này toàn dựa vào số ấy.

- Thiện nữ v.v... trở xuống đã biết khắp trị, như sau:

1. Chia văn sự giải thích, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có hai:

Một là bệnh nhẹ nghe nói liền hết.

Hai là Kinh nói Thiện Nữ v.v... trở xuống là bệnh nặng uống thuốc mới hết. Phẩm này nói việc thuộc ý gồm thuốc pháp, trừ bệnh không phải một, chẳng nêu hết. Kế là bày quán tâm lược nêu ý, văn ấy ở tức nên chú v.v...

Kế là Giải thích quán. Phẩm này nói Phật tự kể việc đời trước tự làm nhân thanh tịnh cõi Phật. Trong văn tuy giải thích quả báo trừ bệnh, nhưng ý chính là kết chung cơ duyên bốn giáo. Cho nên Đại Sư sau khi Sự giải liền bày pháp quán tâm, nói ý kết duyên của Lưu Thủy kia. Như Quán Âm Sơ đã giải thích ở bảy nạn thiếp văn chỉ ở trong Sự. Hỏa v.v... đến giải thích quán hạnh mới nói ba Chương bốn giáo nay chẳng lẽ không đúng.

Hỏi: Đã kết bốn giáo, căn cơ sanh độ, vì sao chỉ y cứ phương tiện dừng tâm mà nói quán tâm?

Đáp: Lời giống như pháp dừng tâm của ba tạng, ý ấy không đúng. Vì sao? Vì bốn phần danh thông số tức bốn thứ giới nội ngoại, người tu bốn giáo đều tu chứng. Nay quán giải y theo đây mà nói để hiểu ý trừ bệnh kết duyên, có ba: một là nói thuốc bệnh của quán. Ba Độc là tham, sân, si khởi riêng. Nói Đẳng phần là ba độc đều khởi. Song tham, sân, si tánh vốn trái nhau chẳng phải ba tâm một lúc cùng khởi, chỉ là bất định tạp nhập mà sinh, nên gọi là Đẳng phần, một phần có hai mươi mốt ngàn phần, cộng chung có tám mươi bốn ngàn môn trần lao. Đây là tâm bệnh của chúng sinh mười cõi, đối quả báo trước là thân bệnh vì là bên ngoài. Nay bốn phần gọi là bệnh bên trong. Số tức v.v... bốn thứ đối trước các thứ thuốc cay ngọt đều là Sự trị. Nay bốn quán này gọi là thuốc pháp.

Kế là Tuyên văn v.v... trở xuống là nói về căn tánh của hạnh. Tự



có chúng sinh nghe nói bốn quán bốn bệnh đều hết. Người tu thuộc về Tín, tự có nghiên tâm tu bốn quán này, bốn bệnh mới hết, gọi là người pháp Hạnh. Tín Hành thì là người học đọc, pháp hạnh thì là người ngồi Thiền. Nay nói hai người này đều thông bốn giáo ba nhãn. Thị v.v... trở xuống là nói đối bệnh dùng thuốc, có hai: một là nói tướng khởi của bốn phần, hai là nói Tướng trị của bốn quán: Phần một có bốn:

1. Y cứ khi năm căn đối nhau, đây là y theo năm hạnh đối năm Tạng. Tạng đứng đầu năm căn, căn thuộc bốn thời mắt, tai, mũi, riêng thuộc một thời lưỡi, thân có ở cả bốn thời như thường nói.

2. Diệt bảo v.v... trở xuống là nói năm dục gây bệnh. Vì năm Dục thô diệt riêng chung, đối căn khác nhau khiến sinh ra bốn phần thêm bớt khác nhau. Phải biết năm dục khắp cả cõi trong ngoài, cho nên khiến bốn phần chung riêng khác nhau. Ca-diếp đoạn chung nên nói là ít muốn, chưa dứt riêng nên nghe tiếng đàn thì đứng dậy múa. Kinh Thỉnh Quán Âm chép: Dứt trừ gốc ba độc thành Phật Đạo chẳng nghi ngờ. Đã nói ba Độc thì đâu chẳng phải đặng phần. Bốn thứ này cũng do Thật báo năm dục thô diệt riêng chung đối căn mà khởi.

3. Nói ba thọ phạm xúc: trái ý thì khổ thọ, thuận ý thì lạc thọ, chẳng trái chẳng thuận thì bình bình thọ, ba thứ này khởi riêng. Chung ba khởi Đẳng phần gọi là giác quán, duyên lự lạng xãng.

4. Man thời v.v... trở xuống là nói người bệnh của bốn phần, năm dục ba thọ đã từ cảnh ngoài, bởi là duyên trợ phát của bốn phần. Nay nêu mạn v.v... là tập ác nội tâm thì chính là nhân thân phát của bốn phần tâm mạn phát sân cho đến buông lung phát ra giác quán, đều là phạm xúc đấm không giới ngoài, so với năm dục mà nói.

Kế là Từ tâm v.v... trở xuống là nói tướng trị của bốn quán. Trước nói duyên ngoài cho đến nội nhân khởi tâm bốn phần đều là cảnh Sở quán, tức là tướng bệnh. Nay nói bốn quán chính là nói bốn thứ thuốc pháp năng quán. Từ tâm trị Sân, Sân đã thông ở giới nội giới ngoài. Năng trị từ quán, chẳng riêng quán tướng làm cha mẹ chúng sinh, mà ban vui cho thế gian. Quán tất cả pháp không, vô tánh, vô tướng, có công năng ban vui Niết-bàn cho chúng sinh, quán tất cả pháp đều là pháp giới, có công năng ban vui rất ráo cho chúng sinh. Do đây mà trị ba thứ tâm Sân. Cho nên giải thích luận nói ba thứ Từ. Bất tịnh trị tham, chẳng riêng Tu Thật tướng giả tướng, phá nhiễm y chánh của phàm phu cũng có thể phá nhiễm Niết-bàn của Nhị thừa, cũng phá được nhiễm ba Đế của Bồ-tát chấp thứ lớp. Cho nên luận Khởi Tín chép: Thử giác năng phá sáu thứ nhiễm. Nhân duyên trị si, chẳng riêng quán nhân quả



vô thường ba đời mà phá si đoạn, thường của phàm phu. Cũng năng thứ lớp quán ba Đế, mười hai nhân duyên, phá si có không của Nhị thừa. Lại năng một tâm quán, bốn thứ mười hai nhân duyên phá si tung hoành của Bồ-tát. Cho nên Đại kinh nói quán mười hai nhân duyên đủ bốn thứ trí. Sổ Tức nói dứt trị giác quán. Chẳng riêng quán Sổ Tức sinh diệt mà phá phàm phu, đắm mê tán loạn. Cũng tu sổ tức, tu Tam-muội Tục đế, vào sâu duyên khởi, phá thiên không loạn ý của Nhị thừa. Lại thể Sổ tức, mỗi tức đều trung, các pháp thứ tức, phá hai bên loạn ý của Bồ-tát. Cho nên Thỉnh Quán Âm ở pháp Sổ tức mà được đạo ba thừa. Trụ thân Thủ-lăng-nghiêm như lỗ lông lưu ly mà thấy Phật. Nhưng bốn trị này có thể bốn người đều tu một pháp, vì bốn pháp ấy đều gồm ba quán người tự có thể y thứ lớp, không y thứ lớp mà trị ba hoặc, hoặc có thể bốn trị chỉ đối với ba quán. Từ tâm là giả quán, bất tịnh là không quán, Nhân duyên là song chiếu trung quán. Sổ tức song ngăn trung quán, ba thứ này tự có thể y theo thứ lớp hay không thứ lớp. Lại bất định hoặc có thể có ba người đều một hoặc một người trước sau, hoặc không thứ lớp, là chỉ một người một niệm mà tiến. Trong Quán Âm Số còn dùng ba độc đối thẳng ba quán mà nói thứ lớp hoặc không thứ lớp, hướng chi bốn thứ Từ v.v... chẳng phải là ba quán ư? Nếu người Viên ấy thanh tịnh y theo bốn phần riêng chung mà phát khởi, thì tức là một tâm dung diệu ba quán đối bệnh mà dùng, tức là ý thẳng biệt trong chỉ quán.

- Phẩm Lưu Thủy, có như sau:

- Giải đề, có hai:

- Gồm trừ bệnh mà giải thích tên, có hai:

- Giải thích Lưu Thủy, có hai: một là dẫn văn nêu hai tên, hai là tiếp kinh dịch hai nghĩa, có hai:

- Giải thích hai nghĩa, có hai:

- Giải thích riêng hai nghĩa, có hai:

Một là Giải thích cho nước.

Hai là Giải thích Lưu Thủy: một là đại Từ cho vui, hai là đại Bi cứu khổ. Một lại có hai:

1. Nêu hai thứ nước.

2. Giải thích hai thứ nước. Nay đây một thứ vui thế gian lại ích lợi đối quả báo, xuất thế chỉ nói ích một Thật. Nếu luận thời này kết duyên Tịnh quốc hợp khắp người trời cho đến bốn giáo.

Kế là Giải thích nước chảy, lại có:

1. Nêu hai thứ nước. Lưu trừ, Lưu là đi, nước trôi tức là nghĩa trừ.

2. Lưu trừ v.v... trở xuống là giải thích hai thứ nước. Nói nghiệp

nhân, là ở ngoài quả báo chín ích đều có thể trừ nghiệp nhân. Nay mười hiệu v.v... bèn dùng năng trừ để hiển bày sở trừ. Kinh Thập Nhị Nhân Duyên gọi là nghiệm sâu xa.

3. Quy về mười hiệu đều là Viên thuyết, Sám gốc tuy không có văn ba quy. Kinh Tối Thắng không có ngài Chân-để dịch ra thì cũng có nghi thức trao pháp, không thể thiếu được.

- Thỉnh cha v.v... trở xuống là thành cả hai nghĩa.

- Ký hữu v.v... trở xuống là bày riêng tựa đề, có hai: Một là hỏi, hai là trong văn v.v... trở xuống là Đáp. Văn kinh và Đề hai tên cùng khéo hiểu chẳng gì hơn đây.

- Giải thích Trưởng giả, tử trong Pháp Hoa Sớ nói có đủ mười đức thì được gọi là trưởng giả: một là dòng họ tôn quý, hai là địa vị cao, ba là giàu có, bốn là oai đức mạnh mẽ, năm là trí sâu, sáu là tuổi cao, bảy là hạnh thanh tịnh, tám là lễ đầy đủ, chín là người trên khen, mười là người dưới quay về. Từ tử v.v... trở xuống, là cũng như Vương tử, công tử. Cho nên kinh nói: Trưởng giả Trì Thủy về sau trong nhà sinh một người con tên là Lưu Thủy.

- Văn này v.v... trở xuống là dùng Thọ ký nêu ý.

- Giải thích văn, gồm có:

1. Nói lý do thứ ba là kết duyên gần, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có hai:

1. Lộng dẫn có hai: một là thi ân bố đức, hai là người trong nước khen ngợi.

2. Thiên nữ v.v... trở xuống, chánh nói lý do gồm:

Một là nói về quyến thuộc.

Hai là Lúc đó, con của trưởng giả v.v... trở xuống là dùng duyên xem cá, tức đeo đuổi cầm thú. Lúc ấy, trưởng giả bèn v.v... trở xuống là chánh thức cứu cá. Riêng mở làm hai: một là nói nhân duyên, có hai:

1. Lưu Thủy đau buồn.

2. Bấy giờ có v.v... trở xuống là duyên thần cây bày số.

Kế Thiện nữ v.v... trở xuống là cho nước cho ăn, lại có:

Một là Cho nước, có:

1. Lấy nhánh cây che mặt trời mà nương tựa.

2. Che mát rồi v.v... trở xuống là biết nguồn nước, quyết nắm bắt, quyết bỏ nước, quyết âm là huyết. Quảng nhã nói là xuyên qua. Thuyết văn nói là Hạ lưu. Chu Dịch xét quyết khác nhau cũng gọi là huyết (hang).

Bấy giờ Trưởng giả v.v... trở xuống là mượn voi của Đại vương

nhốt trong chuồng ngựa. Thích Danh nói Cứu là nhóm họp, là chỗ ngựa nhóm họp.

- Thời, Trưởng v.v... trở xuống là cho ăn, có hai:

1. Cá đói mà buồn. Quảng Nhã nói là tỷ ý (dọn nhà ở nhờ chỗ khác?) Còn gọi là bồi hồi.

2. Thiện Nữ Thiện v.v... trở xuống là lấy cơm cho.

Kế là Từ vị v.v... trở xuống là nói kết duyên thứ tư. Có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có bốn: một là phát thệ nguyện, hai là lại v.v... trở xuống là suy nghĩ nói pháp.

Kế nữa là Làm như v.v... trở xuống chính là nói pháp: Trước nói mười hiệu, kế nói nhân duyên. Mười hiệu ở Ngộ là ở quả. Nhân duyên, ở mê là ở nhân. Mê ngộ nhân quả tên ấy tuy khác mà Thể thì chẳng khác. Vì quả của mười hiệu là rốt ráo ba đức. Mười hai Nhân duyên là ba đức xưa nay. Ba đức chẳng thay đổi, nhân quả thì đâu có khác. Cho nên, Phổ Hiền Quán chép: Nhân Đại thừa là thật tướng các pháp, quả Đại thừa cũng là thật tướng các pháp. Các pháp là tu hai, thật tướng là tánh một, ba thứ này viên dung chẳng dọc chẳng ngang, toàn thể là nhân, toàn thể là quả. Chúng sinh tuy mê mười hiệu cũng không bớt, chư Phật ngộ cực mười hai vẫn không thiếu. Vì tướng thế gian là thường trụ. Cho nên nay trước nói quả, quả lý đã hiển bày thì khiến sinh giải. Trước gọi là Bảo thắng, bởi đó là tên riêng. Tên đối với một Phật Như Lai v.v... mười hiệu là tên chung, ba đời mười phương Phật đều có đủ. Nếu lấy chung từ riêng họp mà có tên là Bảo Thắng Như Lai, Bảo Thắng Phật, Bảo Thắng Thế Tôn. Ba thứ này đã thế, thì so sánh theo đây mà họp là Bảo Thắng Ứng Cúng, Bảo Thắng Chánh Biến Tri, cho đến Bảo Thắng Thiên Nhân Sư. Mười hiệu chung này Đại kinh Đại luận đều nêu tên, Thiên Thai Từ Ân đều nói nghĩa, tướng trạng đã rõ. Nay bên các giải thích lại y theo ba. Ba và một chung kết để nêu mười hiệu, khiến cho biết các pháp đều là bí tạng. Nghĩa này nếu nói thì chẳng làm nhục tên của người chứng quả. Một, ba đã lấy Như Lai làm đầu, tức là ba trong pháp thân. Như Lai là Chân như thuộc pháp thân. Ứng Cúng lợi sinh là giải thoát. Thiện Thệ năng thú cực là Bát-nhã. Hiểu ba thế gian mỗi pháp thường trụ là Pháp thân. Vì giải thoát ấy phải có đủ hai Đức. Sau ba lấy Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng phu nên đáng là Bát-nhã, Thiên Nhân Sư dạy bảo các căn cơ nên thuộc về giải thoát. Phật là Phục Bản, Đại giác là Pháp thân, vì Bát-nhã phải có đủ hai đức. Chín thứ này tức ba, ba thứ này tức một, một không tương một, ba chín rõ ràng, ba ngàn thế gian, chín đời sát-na. Một là Đa-diên-xúc rốt ráo tự

tại nên gọi là Thế Tôn, mười hai nhân duyên bố lại thành ba đạo. Ba chi vô minh, ái, thủ thuộc về phiền não, hành có hai chi thuộc nghiệp đạo. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sinh, già, chết thuộc Khổ đạo. Ở đây tuy hôn mê trôi buộc trôi lăn mà toàn thể tức là ba nhân Phật tánh đều là chẳng thể nghĩ bàn. Tùy người quan sát hiển phát khác nhau. Cho nên Đại kinh nói Hạ Trung Thượng Trí quán, đây chính là ba thừa Bồ-đề. Nếu Thượng Thượng Trí quán thì được Bồ-đề của Phật. Trí ba giáo trước còn có thể nghĩ bàn. Cho nên quán mười hai nhân duyên chỉ được ba thừa. Chỉ có trí không nghĩ bàn của Viên giáo thể vô minh v.v... tức là tánh nhiệm, chẳng phải Phật, Trời, Người, A-tu-la làm ra, mỗi pháp thường trụ, đương xứ viên dung mới nói là trong nhân có tánh quả. Lại trong Huyền Văn thì ba đường ba thức tuy vốn có vị, nhưng cùng không hai không khác với ba đức của quả sau. Được ý này rồi mới phân biệt được mười hai tên riêng. Vô minh là không hiểu, sáu thọ là không, giả, trung. Hành nghĩa là y tâm chẳng hiểu, tâm động là nghiệp hạnh. Thức nghĩa là nghiệp kéo dắt thức trung ấm gá vào thai mẹ. Danh sắc nghĩa là hai giọt làm sắc tâm chỉ có tên. Nhập nghĩa là danh sắc lớn lên thành căn sáu nhập. Xúc nghĩa là sáu căn đối ngoài mà làm trần mà xúc. Thọ nghĩa là xúc rồi sinh ba thọ khổ, vui, bình bình. Ái nghĩa là mê ba thọ mà ưa thích đắm trước. Thủ nghĩa là ái nhiễm triền miên, bốn phương tìm kiếm. Hữu là do thủ tạo nghiệp phải có quả báo ở vị lai. Sinh, nghĩa là có nghiệp đã chín muồi, vị lai ấm sinh khởi: già, chết v.v... tức là sinh phải biến mất, buồn khổ buộc ràng. Mười hai chi này hoặc y cứ ba đời hoặc y cứ hai đời, hoặc y cứ một niệm. Tuy ba thứ khác nhau, đều dùng mười hai mà đối với ba đạo. Ngay nơi sự là lý, mỗi pháp rất ráo thanh tịnh tự tại, chẳng dọc chẳng ngang vừa cao vừa rộng. Quán như thế thì được Bồ-đề của Phật. Lược về ba quy y, nghĩa đã đủ rồi. Bởi Tam bảo ba đức thể vốn chẳng khác. Đã gọi Nam-mô Bảo Thắng thì mười hiệu há chẳng phải quy mạng ba đức trong quả. Lại nói mười hai nhân duyên sâu xa, chính là tâm y theo ba đức trong nhân, mê ngộ cực tế ba đức không khác, một thể nghĩa đủ, ba đều đầy đủ. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh thật là quy y Tam bảo nghĩa thành rất ráo. Phải biết Sám sự ý thú sâu mầu. Bốn, Cá sinh lên trời mà báo ân, có bốn :

1. Cá báo sinh lên cõi trời do nghiệp lực của mình có ba ý nghĩ: một là tự biết chỗ mình đã chết, hai là tự biết chỗ mình sinh về, ba là tự biết trước làm nghiệp gì mà được sinh lên cõi trời. Đã biết việc xưa nên xuống trả ân.

2. Trời trả ân trở xuống, đại kinh nói lầu gác. Nhà có nhiều tầng

gọi là lẫu, nói lẫu đài là sai. Giải thích này có hai: Một là sự nhân duyên mười hiệu. Lại Năng thuyên thuộc ngôn giáo, đồng với nước uống cơm ăn nên gọi là sự. Hai là Lý chí ở bốn sự mà giải thích bốn đức, nên thành lý ích. Vì một muôn con cá do giới hoãn (chậm) nên làm thân có cá vảy. Do thừa (gấp) nên gặp Thiện trí thức chân thật Đại thừa đối với Sự mà chẳng hiểu được lý diệu. Nhận ăn rồi được sống tức nói lên Chân thường, nhận nước rồi được vui tức nói lên vui Niết-bàn. Ở mười hai rừng cây gai mà bỏ ngã tự tại. Y theo mười hiệu pháp được báo tiền của cõi trời, tính mạng ở đời hiểu là Đức tánh tịnh, bốn pháp ích nhân này Lưu Thủy đã được, nên đem bốn vạn chân châu anh lạc mà báo ân cúng dường bốn việc, đã biểu thị Lý ích, bốn muôn chân châu anh lạc đâu chỉ là sự cúng. Bởi y theo ngàn giới muôn như, mỗi pháp ấy đều có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, tức là bốn muôn chân châu anh lạc không nghiêm mà nghiêm, nghiêm ở Pháp thân. Đây là Tài cúng mà thành pháp cúng. Nếu chẳng thế thì đâu được gọi là có gốc lành tốt được duyên thọ ký ư?

3. Bấy giờ, Diêm v.v... trở xuống là vua thấy diêm sáng.

4. Trưởng giả theo số định mà đáp. Ba nói: Thứ năm kết hội xưa nay. Kinh nói La-hầu-la, Hán dịch là Phú Chương, vì sáu năm phải ở trong thai, do đó đặt tên là La-hộ-la, Hán dịch là Chương nguyệt. Nhưng việc Bản Tích chẳng thể xét biết, theo văn mà nghĩ kỹ, một muôn con cá xưa nay ắt là sở hóa, các thứ khác đều là Năng hóa. Năng Hóa này y theo các kinh Hoa Nghiêm v.v... đã nói đều là kiếp hải tu thật nhân ấy, thuần thực một muôn nay được giải thoát. Nếu lấy ý ngời thành hóa hiện trong kinh Pháp Hoa thì đều là trong Tích, tiếp các căn cơ trong đây khiến nay được thọ ký. Tông này trong tâm người giải phải nên biết. Sáu là Giải thích phẩm Xả Thân, có hai: một là giải thích tựa đề, có hai:

Một là Hỏi bỏ nhiều nêu ít.

Hai là Dưới đây là đáp từ yếu lập đề, chỗ nhận phải là thân thể, vì cạp bị đói ép ngặt nên cần thân thịt, tuổi thọ tiền tài địa vị chẳng phải là điều mong cầu. Phạm hạnh môn vô lượng, căn do đời trước huân tập, bốn thứ Tam-muội được người ưa chuộng, tùy ý mình khéo thực hành sáu Độ. Người ưa bố thí thì ở thân mạng tiền của không luyến tiếc tự làm, hoặc dạy người khác làm hoặc tùy hỷ khen ngợi đều ở bố thí. Nếu gặp thầy tốt và y theo thật giáo mà tu Bố thí hiểu tâm Năng thí, cảnh thọ thí, và vật thí tức là không, giả, trung. Sự hành Lý quán hợp nhất mà tu giúp đạo. Chánh tu giúp nhau mà tiến, đã gọi quen xưa nên ưa thích

làm. Hoặc do Sự tốt hạnh xưa duyên hội, hoặc nhiều năm qua yếu thế giúp cho quán thành, hoặc nói lên sở nguyện khiến vật công hiệu, hoặc theo dõi tâm mình, dứt chê bai người khác, vì tâm Bi là trọng mà thâm hiển tâm từ là trọng, hiển bày chân thật thì bốn Tất-đàn đều thành, nếu tâm đối trá thì hai lợi đều mất. Nhưng Phật nói Bản Sự khiến người so sánh thực hành. Cho nên Sở chép: dẫn tổn thân (bỏ thân) xưa để khuyên nay, thầy trò chớ tiếc pháp tài.

Hỏi: Đại Luận nói bỏ thân thì dễ, bỏ tâm thì khó. Luận người muốn làm hay bỏ tâm chấp đắm cho nên khen khó, muốn dứt sự thí cho nên chê dễ. Sao chẳng y theo luận mà lìa bỏ chấp tâm. Người ngày nay vì sao thích bỏ thân mạng?

Đáp: Ưc dương, chê khen đều vâng theo Phật giáo, đều phó tâm người, Phật nói chánh phụ khác nhau, người ham lý sự không đều nhau. Nay phẩm riêng bày việc bỏ thân mạng đâu được dùng luận khó dễ mà chê. Lại đối với không mà nói xả tâm, chấp mình thấy, chấp chặt tự thể một sợi lông không nhổ bỏ, chê người khác bỏ thân là quấy. Đã trái tâm tùy hỷ đấu tránh lỗi ganh Hiên. Nguyện nghe Phật nói tùy khả năng vâng làm. Hai là giải thích văn, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, lại có:

Một là hỏi: Tiểu nhân là người trong nước bệnh, tiểu trùng là một muôn con cá mắc cạn, cá liên quan đến lời thề vị lai pháp thực mà được thọ ký thành Phật. Bệnh hết thì chắc chắn ở đời sau có cơ hội giải thoát, cho nên đều mong lợi ích hai đời. Cảm sâu khế tốt, là kiến giải không hai mà dẫn dắt hạnh khó làm, cảm này rất sâu, bỏ thân mạng tiền của và đời sau v.v... đây là khế duy cực. Chúng nghe được lợi ích chính là vào lúc này, thế nên thân cây thừa cơ mà hỏi, hai là đáp, có hai: một là chia khoa, hai là giải thích nghĩa, mười đoạn đều như khoa nêu.

Hai là Tự bản v.v... trở xuống chính là nói về bỏ thân, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có hai:

1. Văn xuôi, có bốn: một là nói gốc quyến thuộc, có hai: một là chia khoa, hai là giải thích nghĩa, năm đoạn như chia khoa nêu.

2. Từ làm v.v... trở xuống là phương tiện xả thân, lại có:

Một là thuật quán giải, hai là khởi thệ nguyện, nguyện hạnh giúp nhau. Hạnh là quán giải, chẳng phải quán giải này thì không thành nguyện. Không có thệ nguyện, thì hạnh sẽ lui. Sở nói mới sinh bảy ngày đến thân cây đếm cá v.v... Văn này truy giải văn thấy hổ để thứ tư ở trước. Sở nói rất dễ hiểu. Kinh từ nghĩ rằng v.v... trở xuống là nói về quán giải. Quán có hai thứ: một là Trợ quán, hai là Chánh quán. Từ

xưa rất gắt, có thể nhầm chán là quán giúp đạo. Dùng giả tưởng của ba tạng giáo mà đối trị tâm đắm mê Y Chánh. Do đó nên nay ta v.v... trở xuống là nói Chánh quán cho đến không có trần lụy v.v... tức là quán không. Từ Vô Lượng Thiên định đến chư Phật khen ngợi là giả quán. Từ chứng thành như thế cho đến pháp lạc tức là Trung quán. Nói chính trước sau tu là một Tâm.

Hai là Từ đó Vương tử v.v... trở xuống là nói về thệ nguyện. Trước nói Phương tiện, kế nói lời thệ, sau chính là khởi thệ. Sáu câu chẳng ngoài bốn thệ nguyện sâu nặng. Câu một, hai là y Diệt đế mà phát nguyện thành Phật. Câu ba, bốn là y Đạo đế mà phát nguyện Bi Trí. Câu năm là y theo Khổ đế mà phát nguyện Độ sinh. Câu sáu là y theo giới ngoại Tập đế mà phát nguyện dứt hoặc. Đây là y giới ngoại Diệt đế làm đầu mà phát khởi viên tâm.

Ba là Chánh xả thân, có hai: một là khoa, hai là thích. Kinh nói sáu thứ rung chuyển, đó là ba thứ động, khởi, dừng là hình, ba thứ chấn, hống, kích là tiếng. Nay ở hình tướng nói lược hai thứ nên nói rung chuyển.

Bốn là xả thân sau bi luyến, có hai: một là khoa, hai là thích, như văn. Hai là kệ tụng, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có:

1. Nói chung hạnh xưa.

2. Ta nghĩ v.v... trở xuống là tụng riêng văn xuôi, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có năm: một là Tụng Bốn quyển thuộc ở trên, hai là tụng phương tiện xả thân ở trên, ba là tụng chánh xả thân ở trên, bốn là tụng quyển thuộc sáu khổ ở trên. Năm là tụng cha mẹ sáu khổ, lại có:

- Kinh nói lúc ấy Vương tử sẽ bỏ đi, là khi thấy tướng thì sáu khổ, có:

- Vương phi sáu khổ, có hai:

1. Thấy tướng.

2. Bảy giờ v.v... trở xuống là nói về tướng.

có sáu:

1. chính là nói về tướng có.

2. Bảy giờ v.v... trở xuống là nói đã mê muộn (ngất xỉu).

3. Vua nghe v.v... trở xuống là vua tôi buồn khổ.

4. Bảy giờ v.v... trở xuống là người trong nước kinh ngạc.

5. Bảy giờ v.v... trở xuống là vương phi nói về đức.

6. Ngã sở v.v... trở xuống là xét tướng mất con.

Kế là Bảy giờ v.v... trở xuống là Đại vương tìm thấy con, có hai:



Một là Khuyên đỗ Vương phi.

Hai là Nhà vua v.v... trở xuống là tìm thấy con.

- Tiên sở v.v... trở xuống, là tụng biết đầu cuối buồn khổ, có như sau:

- Sứ giả trở về thừa, có hai:

1. Trước khiến an ủi vua, có hai: Tu-du v.v... trở xuống là sau khiến nói thật.

2. Bấy giờ v.v... trở xuống là nhà vua ngất xỉu.

3. Lại có v.v... trở xuống là vua đón hai con, có ba:

Một là Quan nói về thất chí.

Hai là Bấy giờ v.v... trở xuống là vua đều suy nghĩ một mất hai còn đối diệu đều thốn thức. Người mất không thể tìm, kẻ còn phải giữ.

Ba là Bấy giờ v.v... trở xuống là đón con an ủi mẹ.

Kế là Từ Phật v.v... trở xuống là kết hội, có hai: một là khoa, hai là thích, gồm có:

1. Kết hội người. Kinh nói Du-đầu-đàn hoặc Duyệt-đầu-đàn, Hán dịch là Tịnh Phạm. Ma-da dịch là Thiên Hậu, Điều-đạt cũng dịch là Đê-bà-đạt-đa, Hán dịch là Thiên Thọ. Cha mẹ từ trời xin con, được trời trao cho, là em họ của Phật. Cù-di dịch là Minh Nữ. Tất-đạt có ba vị phu nhân: Một là Cù-di, hai là Da-du, ba là Lộc-dã, đều có hai muôn thể nữ. Năm Tỳ-kheo là Kiều-trần-như, Át-bệ-bạt-đê, Thập lực Ca-diếp, Thái tử Câu-lị. Trần-như và Thập lực Ca-diếp hai người này thuộc họ bên ngoại mẹ, ba người kia thuộc bên nội cha. Xá-lợi-phất dịch là Thân tử vì bà mẹ có thân hình đẹp, vì mẹ tên Thân nên con bà ấy gọi là Thân Tử (con bà Thân). Mục-kiền-liên dịch là Họ Hồ Đậu. Đời Thượng cổ có vị tiên ở trên núi thường hái đậu ăn, do đó lấy làm họ. Tôn giả là ông ấy sau này.

2. Kinh nói bấy giờ v.v... trở xuống là kết hội tháp, nói đủ là Tháp-bà, dịch nghĩa là Phương phần, hoặc dịch là Tự tướng, nghĩa là chất đá gỗ và bấu cao lên làm tướng. Trà-tỳ Hậu phần nói: Tháp Phật cao mười ba tầng, trên có hình bánh xe, tháp Bích-chi-phật cao mười một tầng, tháp La-hán bốn tầng, tháp Luân vương không có tầng, vì chưa ra khỏi ba cõi. Kinh Thập Nhị Nhân Duyên nói tám thứ tháp đều có lộ-bàn. Đã ngoài bốn thiền cũng lạm sơ quả. Thản tuần tiêu diệt, chế để hỏa châu khởi chiếm chức Thượng Thánh lại công hiệu. Xá-lợi, Hán dịch là Thân cốt.

3. Kinh nói bấy giờ v.v... trở xuống là kết hội thệ nguyện.

Thuyết thị v.v... trở xuống là Đại chúng được lợi ích.

4. Thọ thần v.v... trở xuống là kết ý hỏi. Kinh nói Bồ Cừ, Quãng Nhã nói là sợ hãi. Tiêu Trố là nhanh, yêm hốt thì hốt là điều đốt. Sồ là chim con. Thuấn là nháy mắt. Vân là lau chùi. Bích là đảo, ngã. Động là buồn quá, biện là mệt mỏi. Bấy là Phẩm Tán Phật, một là giải đề, có hai: một là nói Năng Tán Sở Tán, lại có:

1. Đại Sư y theo người khen quả giải thích. Năng Tán là ba phen Bồ-tát, một là kinh trước bày chúng, hai Tín Tướng là người phát khởi, ba là Thần cây Thiện nữ. Đây tuy chúng gồm đạo tục mà hình lẫn lộn trời người, đã phát đại tâm đều gọi là Bồ-tát. Sở Tán là một Phật Thế Tôn, tức ở Phật Thích-ca giáo chủ. Ở đây muốn khác phẩm Tán Thán ở trước. Năng Tán là Kim Long một người đời trước, Sở Tán là chư Phật cực quả ba đời. Nhưng y theo trước giải thích Đề mục phẩm, đều gồm bốn Tất. Nay văn lược bày muốn nói tương ấy nên nói: Đề nêu nghĩa Tán Phật gồm Năng Sở, tức thế giới Hoan Hỷ.

2. Năng Tán thiện sinh ắt gá mượn duyên mà khởi, bậc nhất trong duyên chẳng gì hơn khen Phật, cho nên ba Bồ-tát năng tán tức là sinh thiện cho người.

3. Sở Tán là Năng Tán, bèn ẩn thành ba Bồ-tát nói không đối nhảm, tức phá ác đối trị.

4. Như Lai khen thần cây quyết nói quả địa đại Thế, đại Trí, đại Dụng, tức vào lý Đệ-nhất-nghĩa. Đề gồm bốn nghĩa, Văn lý như một. Nay sơ lược đều vì lẽ ấy. Bởi đề tán Phật thật có cả Năng sở. Sở tán là quả Phật lại khen nhân người. Sinh thiện phá ác cả hai đều chẳng tiện. Nhưng hoặc do Sở tán làm Năng tán mà sinh nghiệp lành cho người, phá nghiệp ác cho chỉ người. Sao đây chẳng thể nên biết là lược.

Kế là Tự là v.v... trở xuống là Chương An y theo nhân quả mà khen ngợi, giải thích lẫn nhau. Nói một Phật là Năng tán, là kinh nói: Lành thay, lành thay! Thiện nữ Thọ Thần! Hôm nay các người thích nói lời ấy. Kinh tuy riêng khen thần cây mà ý gồm hai ở trước, cho nên nói ba phen là sở tán (ba phen được khen ngợi). Nói ba phen là đương Phật v.v... là giải thích nghi. Sự người nghi nên nói đã khen thì gồm năng sở, đâu chỉ đề là tán Phật (khen Phật) cho nên giải thích rằng: Phật có cả ở hiện tại vị lai đều là khen Phật mà thôi.

